

Số: 48/NQ-HĐND

Minh Long, ngày 19 tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về về điều chỉnh giảm dự toán năm 2025 và phân bổ dự toán năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách cấp huyện do thực hiện phương án sắp xếp, sáp nhập

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MINH LONG
KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ 24**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND huyện, ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025;

Xét Tờ trình số 30/TTr-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện về xin thông qua Nghị quyết về điều chỉnh giảm dự toán năm 2025 và phân bổ dự toán năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách cấp huyện do thực hiện phương án sắp xếp, sáp nhập; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội của Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh giảm dự toán năm 2025 và phân bổ dự toán năm 2025 của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách cấp huyện do thực hiện phương án sắp xếp, sáp nhập, cụ thể như sau:

I. Điều chỉnh giảm dự toán năm 2025 của các cơ quan chuyên môn, với tổng kinh phí là 12.151.161.670 đồng (Bằng chữ: Mười hai tỷ một trăm năm mươi một triệu, một trăm sáu mươi ngàn, sáu trăm bảy mươi đồng) như sau:

- Phòng Nội vụ: 5.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm triệu đồng chẵn).
- Phòng Tài nguyên & Môi trường: 1.878.181.506 đồng (Bằng chữ: Một tỷ tám trăm bảy tám triệu một trăm tám mươi ngàn, năm trăm lẻ sáu đồng).
- Phòng Lao động TB & XH: 5.262.992.910 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ, hai trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm chín mươi hai ngàn, chín trăm mười đồng).
- Phòng Kinh tế & Hạ tầng: 2.216.619.039 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ hai trăm mười sáu triệu, sáu trăm mười chín ngàn, không trăm ba mươi đồng).
- Phòng Nông nghiệp & PTNT: 774.535.855 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm bảy mươi triệu, năm trăm ba mươi lăm ngàn, tám trăm năm mươi lăm đồng).
- Phòng Y tế: 547.751.285 đồng (Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi một ngàn, hai trăm tám mươi lăm đồng).

7. Phòng Văn hóa: 699.816.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm chín mươi chín triệu, tám trăm mười sáu ngàn đồng chẵn).

8. Phòng Dân tộc: 766.265.075 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi sáu triệu, hai trăm sáu lăm ngàn, không trăm bảy lăm đồng).

II. Điều chỉnh tăng, bổ sung dự toán cho các cơ quan, đơn vị sau hoàn thành công tác sắp xếp, sáp nhập, với tổng kinh phí là 12.151.161.670đ (Bằng chữ: Mười hai tỷ một trăm năm mươi một triệu, một trăm sáu mươi ngàn, sáu trăm bảy mươi đồng), như sau:

1. Phòng Nội vụ: 5.247.992.910 triệu đồng (Bằng chữ: Năm tỷ, hai trăm bốn bảy triệu, chín trăm chín hai ngàn, chín trăm mười đồng).

2. Phòng Nông nghiệp & Môi trường: 2.667.717.361 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ sáu trăm sáu bảy triệu, bảy trăm mười bảy nghìn, ba trăm sáu mươi đồng).

3. Văn phòng HĐND - UBND: 547.751.285 đồng (Bằng chữ: Năm trăm bốn bảy triệu, bảy trăm năm mươi ngàn, hai trăm tám lăm đồng).

4. Phòng Kinh tế, Hạ tầng & Đô thị: 2.186.619.039 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ một trăm tám sáu triệu, sáu trăm mười chín ngàn, không trăm ba chín đồng).

5. Phòng Dân tộc & Tôn giáo: 771.265.075 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm bảy mươi một triệu, hai trăm sáu mươi lăm ngàn, không trăm bảy mươi lăm đồng).

6. Phòng Văn hóa, Khoa học & Thông tin: 729.816.000 đồng. (Bằng chữ: Bảy trăm hai chín triệu, tám trăm mười sáu ngàn đồng chẵn)

(Nội dung chi tiết như các phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc diện sáp nhập, hợp nhất tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Ủy ban nhân dân huyện giao dự toán bổ sung năm 2025 đối với các nhiệm vụ và biên chế được chuyển giao từ các Phòng dừng hoạt động và các phòng cắt giảm nhiệm vụ cho các phòng, ban nhận nhiệm vụ mới đảm bảo theo quy định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Minh Long khoá XII kỳ họp thứ 24 thông qua ngày 19 tháng 3 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp;
- TT. HU, HĐND huyện;
- UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Các cơ quan tỉnh đóng trên địa bàn huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- HĐND, UBND các xã;
- VP: C, PCVP, CV;
- Lưu VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Đinh Thị Mai Sinh

PHỤ LỤC 01
ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
ĐƠN VỊ DỰ TOÁN: PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 19/3/2025 của Hội đồng nhân dân huyện Minh Long)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán năm 2025	Dự toán được sử dụng trong năm 2025	Kinh phí đã sử dụng đến hết ngày 28/02/2025	Số dư dự toán còn lại	Kinh phí đề nghị điều chỉnh		Kinh phí sau điều chỉnh	Ghi chú
							Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Dự toán chi ngân sách cấp huyện	502.877.800	1.533.200.000	2.036.077.800	157.896.294	1.878.181.506	0	1.878.181.506	0	Kèm theo bảng đối chiếu
I	Chi quản lý hành chính (Loại 340 khoản 341)	2.877.800	903.200.000	906.077.800	157.896.294	748.181.506	0	748.181.506	0	
1	Kinh phí giao quyền tự chủ	2.877.800	777.800.000	780.677.800	155.496.294	625.181.506	0	625.181.506	0	0
1.1	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng (tính theo tiền lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng)	2.877.800	659.000.000	661.877.800	107.077.254	554.800.546		554.800.546	0	
1.2	Kinh phí hoạt động theo định mức(đã trừ 10% TK chi Thường xuyên để thực hiện CCTL)		118.800.000	118.800.000	48.419.040	70.380.960		70.380.960	0	
2	Kinh phí không giao quyền tự chủ	0	125.400.000	125.400.000	2.400.000	123.000.000	0	123.000.000	0	
	<i>Trong đó:</i>					0		0	0	
2.1	Hỗ trợ đo hệ thống chống sét		4.000.000	4.000.000		4.000.000		4.000.000	0	
2.2	Hỗ trợ một số nhiệm vụ phát sinh		17.000.000	17.000.000		17.000.000		17.000.000	0	
2.3	Mua sắm trang thiết bị phục vụ chuyên môn theo Luật Đất đai mới		90.000.000	90.000.000		90.000.000		90.000.000	0	
2.4	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh		14.400.000	14.400.000	2.400.000	12.000.000		12.000.000	0	
II	Chi sự nghiệp môi trường (Loại 250 khoản 278)		630.000.000	630.000.000	0	630.000.000		630.000.000	0	
1	Chi sự nghiệp môi trường		630.000.000	630.000.000	0	630.000.000		630.000.000	0	
III	Lập sử dụng đất năm 2025 huyện	300.000.000		300.000.000		300.000.000		300.000.000	0	
IV	Kiểm kê đất đai lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024	200.000.000		200.000.000		200.000.000		200.000.000	0	
	- Ngân sách Trung ương								0,000	
	- Ngân sách Huyện								0,000	

M. Thanh